TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/LĐ-PT
Ngày: 15/7/2025
V/v Tranh chấp tiền lương làm thêm giờ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Quyên
Bà Vũ Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Phan Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 6, ngày 08 và 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 14/2025/TLPT-LĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025, về việc "Tranh chấp tiền lương làm thêm giờ".

Do Bản án lao động sơ thẩm số 2460/2024/LĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3011/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 9007/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1984, có mặt.
   Địa chỉ thường trú: D P, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.
   Địa chỉ liên hệ: 1 N, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hồ Thị Kim C (có mặt) và Luật sư Võ Quang V (có mặt) – Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: 3 V, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Trung tâm H2.

Trụ sở: 65 B (số cũ D N), phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tường D (có mặt) – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Kiều Thị H, có mặt.

Địa chỉ: A L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Hồng N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn sửa đổi, bổ sung nội dung khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thúy L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng N được Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H bổ nhiệm Viên chức với chức danh Chuyên viên làm việc tại Trung tâm H2 (sau đây gọi tắt là Trung tâm). Công việc cụ thể của bà N là quản lý đối tượng bảo trợ xã hội theo Quyết định số 300-QĐ-SLĐTBXH ngày 26/6/2015. Sau khi có quyết định bổ nhiệm viên chức, ngày 04/11/2015, Trung tâm đã tiến hành ký với bà N hợp đồng làm việc không xác định thời hạn số 306/HĐLĐ-HTXH ngày 04/11/2015.

Theo Hợp đồng làm việc nêu trên thì bà N là Chuyên viên quản lý đối tượng bảo trợ xã hội; làm việc tại địa chỉ F B (số cũ là D N), Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; làm việc theo chế độ 8 giờ/ngày và trực theo quy định của Trung tâm.

Từ ngày 01/5/2019, bà N được được hưởng hệ số lương là 3.00 theo Quyết định nâng bậc lương đối với viên chức số 1011/QĐ-SLĐTBXH ngày 16/7/2019 của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố H. Mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng. Tiền lương cơ bản mỗi tháng của bà N là 4.470.000 đồng. Tiền lương của 1 ngày làm việc bình thường là 203.183 đồng/ngày. Tiền lương làm thêm ngày thường là 25.398 đồng/giờ. Tiền lương làm thêm ngày thứ 7, Chủ nhật là 50.795 đồng/giờ. Tiền lương làm thêm ngày L1, Tết là 76.193 đồng/giờ.

Từ tháng 11/2019 đến tháng 8/2020 và trong Tết nguyên đán Tân Sửu năm 2021, Trung tâm đã thực hiện chế độ làm việc 24 giờ/ngày (kể cả Thứ 7, Chủ N1, L1 và Tết). Từ tháng 9/2020 đến tháng 5/2021, Trung tâm thực hiện chế độ làm việc và trực 12 giờ/ngày, không được nghỉ Thứ 7, Chủ N1, L1 và Tết

theo quy định nhưng Trung tâm lại không chi trả tiền lương làm việc vào ban đêm và không trả đầy đủ tiền lương làm thêm giờ đối với số giờ làm việc và số giờ làm thêm đã vượt quá quy định cho bà N. Bà N đã nhiều lần có ý kiến kiến nghị yêu cầu Trung tâm thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về chế độ thời gian làm việc và thời gian làm thêm giờ nhưng phía Trung tâm cho rằng họ đã thực hiện chế độ làm việc đúng theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/3/2021, bà N đã gởi đơn khiếu nại đến Giám đốc Trung tâm về chế độ thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và thời gian làm thêm giờ vượt quá quy định của pháp luật nhưng không được chi trả tiền lương đầy đủ. Ngày 10/5/2021, Giám đốc Trung tâm đã ban hành Quyết định số 1000/QĐ-HTXH về việc không chấp nhận khiếu nại của bà N vì Trung tâm cho rằng đã thực hiện theo đúng Phương án số 835/PA-HTXH ngày 31/8/2020 và Phương án số 124/PA-HTXH ngày 18/01/2021.

Ngày 12/5/2021, bà N đã gởi đơn yêu cầu Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận B hòa giải tranh chấp về tiền lương giữa bà N và Trung tâm, cụ thể yêu cầu Trung tâm thanh toán cho bà N tổng số tiền là 95.986.795 đồng. Ngày 27/5/2021, Phòng L đã tiến hành hòa giải nhưng kết quả là hòa giải không thành.

Từ tháng 11/2019 đến tháng 5/2021, Trung tâm đã thanh toán cho bà N được tiền lương của 200 giờ làm thêm. Tháng 7/2021, Trung tâm đã thanh toán cho bà N 30% tiền lương làm việc vào ban đêm của ngày thường của tháng 1/2021 và tháng 2/2021 với số tiền là 518.000 đồng tương ứng với 68 giờ làm việc vào ban đêm của ngày thường.

Do có sự thay đổi trong cách tính toán số giờ và số tiền yêu cầu nên bà N xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Bà N yêu cầu Trung tâm thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền là 94.736.039 đồng, trong đó:

- Tiền lương làm thêm giờ ban ngày chưa được thanh toán từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2021 của ngày thường là 16 giờ tương ứng với 609.552 đồng; của ngày Thứ 7, Chủ nhật là 699,9 giờ tương ứng với 35.552.120 đồng; của L1, Tết là 82,4 giờ tương ứng với số tiền là 6.278.386 đồng.

- Tiền lương làm thêm giờ ban đêm chưa được thanh toán từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2021 của ngày thường là 716 giờ tương ứng với 35.460.616 đồng; của Thứ 7, Chủ nhật là 229,1 giờ tương ứng 15.128.619 đồng.

- Tiền lương làm việc vào ban đêm chưa được thanh toán chệnh lệch 30% từ tháng 9/2020 đến tháng 02/2021 là 1.706.746 đồng tương ứng với 224 giờ làm việc vào ban đêm của ngày thường.

Ngoài ra, bà N không còn bất cứ yêu cầu nào khác.

Bà N chỉ khởi kiện vụ việc nêu trên tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, không khiếu nại tại bất kỳ Cơ quan nào khác. Bà N hiện vẫn đang làm việc tại Trung tâm.

Bị đơn Trung tâm Hỗ trợ xã hội do bà Kiều Thị H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trung tâm H2 được thành lập theo Quyết định số 1365/QĐ-UB-VX ngày 13/6/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc chuyển trạm tiếp nhận ban đầu các đối tượng tệ nạn xã hội thành Trung tâm Hỗ trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H, chịu sự quản lý chỉ đạo về tổ chức, biên chế và các mặt hoạt động của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách pháp nhân và có con dấu riêng, được cấp kinh phí từ ngân sách Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị Hồng N được Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H bổ nhiệm Viên chức với chức danh Chuyên viên làm việc tại Trung tâm H2 (sau đây gọi tắt là Trung tâm). Công việc cụ thể của bà N là quản lý đối tượng bảo trợ xã hội theo Quyết định số 300-QĐ-SLĐTBXH ngày 26/6/2015. Sau khi có quyết định bổ nhiệm viên chức, ngày 04/11/2015, Trung tâm đã tiến hành ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn số 306/HĐLĐ-HTXH ngày 04/11/2015.

Theo H1 lao động nêu trên thì bà N là Chuyên viên quản lý đối tượng bảo trợ xã hội; làm việc tại địa chỉ F B (số cũ là D N), phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; giờ làm việc sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút, làm theo ca B (từ 7 giờ 30 phút ngày hôm trước đến sáng 7 giờ 30 phút ngày hôm sau) theo Quyết định số 36/QĐ-HTXH ngày 27/11/2017 của Giám đốc Trung tâm.

Qua nhiều năm làm việc tại Trung tâm, hàng tháng bà N đều được thanh toán tiền lương làm việc trong giờ và ngoài giờ theo đúng quy định của pháp luật, bà N không có bất kỳ thắc mắc khiếu nại gì về tiền lương. Tuy nhiên, ngày 18/3/2021, bà N có đơn khiếu nại gửi đến Trung tâm về việc yêu cầu Trung tâm trả tiền lương làm thêm giờ, thời giờ nghỉ ngơi từ ngày 20/11/2019 đến tháng 8/2020 với tổng số giờ làm việc là 1.386 giờ và từ tháng 9/2020 đến tháng

02/2021 là 384,4 giờ chưa kể thời gian bà N nghỉ phép hàng năm; khoảng thời gian này tương đương 156 giờ làm việc. Ngoài ra, bà N còn lấy ngày giờ công đi học Văn bằng 2 Đại học kinh tế (tự đào tạo). Bà N thống kê từ ngày 20/11/2019 đến tháng 8/2020 Trung tâm tính thiếu 1.386 giờ và từ tháng 9/2020 đến tháng 02/2021 tính thiếu 384,4 giờ.

Trung tâm không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N về việc thanh toán số tiền là 94.736.039 đồng vì các lý do sau:

Ngày, giờ công thực tế của bà N làm việc được cụ thể qua Báo cáo 943/BC-TXM ngày 29/4/2021:

1. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi Trung tâm áp dụng

1.1. Áp dụng thời giờ làm việc, chế độ trực đối với viên chức, người lao động tại Trung tâm khoảng thời gian từ ngày 20/11/2019 đến tháng 8/2020 (theo Quy chế làm việc tại Quyết định số 36/QĐ-HTXH ngày 27/11/2017):

- Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Làm theo ca B (từ 07 giờ 30 phút ngày hôm trước đến sang 07 giờ 30 phút ngày hôm sau).

Từ ngày 20/11/2019 đến tháng 8/2020 (tương đương thời gian 09 tháng 10 ngày), thời gian làm việc thực tế của bà N là 1.587,5 giờ chưa tính thời gian nghỉ phép là 11,5 ngày tương đương 92 giờ, chưa tính những ngày bà N nghỉ việc để đi học lớp văn bằng 2 (đính kèm thống kê chi tiết ngày, giờ công thực tế Mẫu số 01 - Báo cáo 943/BC-TXM ngày 29/4/2021).

1.2. Áp dụng thời giờ làm việc, chế độ trực thực tế, thời gian được bố trí nghỉ ngơi tại chỗ theo ca cho mỗi kíp đối với viên chức, người lao động tại Trung tâm khoảng thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 02/2021 (thời giờ làm việc của bà N là 1.059,5 giờ theo 02 giai đoạn):

- Giai đoạn 1: Từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2020 (04 tháng), Trung tâm áp dụng làm việc theo Phương án số 835/PA-HTXH ngày 31/8/2020, trung bình mỗi viên chức, người lao động (làm việc theo ca, kíp) trong 01 tháng là 20 ngày (trong đó có 10 ngày ca ngày và 10 ngày ca đêm) tương ứng tổng số giờ trong 01 tháng là 225 giờ/người/tháng. Từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2020 (04 tháng), thời gian làm việc thực tế của bà N là 710 giờ thay vì thời giờ làm việc theo phương án là 832,5 giờ chưa tính thời gian nghỉ phép là 07 ngày tương đương 56 giờ. Đối chiếu thời giờ làm việc thực tế, bà N chưa đảm bảo số giờ làm việc theo

Phương án số 835/PA-HTXH ngày 31/8/2020 quy định (đính kèm bản thống kê chi tiết ngày, giờ công thực tế Mẫu số 02 - Báo cáo 943/BC-TXM ngày 29/4/2021).

- Giai đoạn 2: Từ tháng 01/2021 đến tháng 02/2021 (02 tháng), Trung tâm áp dụng làm việc theo Phương án số 124/PA-HTXH ngày 18/01/2021, Trung bình mỗi viên chức, người lao động (làm việc theo ca, kíp) trong 01 tháng là 20 ngày (trong đó có 10 ngày ca ngày và 10 ngày ca đêm) tương ứng tổng số giờ trong 01 tháng là 205 giờ/người/tháng. Từ tháng 01/2021 đến tháng 02/2021 (02 tháng), thời gian làm việc thực tế của bà N là 349,5 giờ thay vì thời giờ làm việc theo phương án là 396,5 giờ chưa tính thời gian nghỉ phép là 07 ngày tương đương 56 giờ. Đối chiếu thời giờ làm việc thực tế, bà N chưa đảm bảo số giờ làm việc theo Phương án số 124/PA-HTXH ngày 18/01/2021, quy định (đính kèm bản thống kê chi tiết ngày, giờ công thực tế Mẫu số 03 - Báo cáo 943/BC-TXM ngày 29/4/2021).

Bà N làm việc tại Trung tâm theo chế độ hợp đồng làm việc không xác định thời hạn, hưởng lương theo vị trí làm việc từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, công việc làm hàng ngày của bà N mang tính sự vụ "không liên tục" vì vậy thời giờ nghỉ ngơi tại chỗ không được tính vào thời giờ làm việc theo quy định tại Điều 108 Bộ luật lao động năm 2012, Điều 5 Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013, Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ làm việc vào ban đêm, làm thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Đối với nhân viên Khu Quản lý đối tượng do tính chất công việc trực tiếp tiếp nhận, quản lý và chăm sóc đối tượng phải thực hiện công việc liên tục 24/24 giờ nên Trung tâm phải tổ chức làm việc theo ca, thay phiên nhau làm việc trên cùng một vị trí việc làm tính trong thời gian 01 ngày (24 giờ liên tục). Do đó, Thứ 7, Chủ Nhật hàng tuần, Lễ, Tết Trung tâm vẫn phải bố trí cho viên chức, người lao động làm việc theo ca, ngày liền kề sẽ là ngày nghỉ bù cho ngày nghỉ hàng tuần cho viên chức, người lao động. Đồng thời khi viên chức, người lao động làm việc theo ca nghỉ phép thì được tiếp tục nghỉ bù vào ngày liền kề sau ngày nghỉ phép.

Trong khoảng thời gian từ 20/11/2019 đến tháng 8/2020, Trung tâm thực hiện chế độ làm việc 24/24 giờ nhưng bà N thực tế chỉ làm từ 15 công đến 17 công trong một tháng (đính kèm bảng phân công làm việc cụ thể tháng 12/2019). Đối chiếu với Phương án làm việc số 835/PA-HTXH ngày 31/8/2020,

Phương án số 124/PA-HTXH ngày 18/01/2021 tổ chức thực hiện thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, làm thêm giờ, chế độ trực của Trung tâm với số giờ ngày công làm việc thực tế của bà N thì bà N chưa đảm bảo đủ số giờ công tiêu chuẩn quy định tại các Phương án làm việc, chưa kể thời gian nghỉ phép hàng năm…

Bên cạnh đó, viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm đều được hưởng chính sách ưu đãi tăng thêm thu nhập hàng tháng theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND hỗ trợ phụ cấp đặc thù mà các Sở, Ban ngành khác không có như: phụ cấp độc hại lây nhiễm cao: 400.000 đồng/người/tháng, phụ cấp ưu đãi nghề 30% đối với người làm công tác y tế và 20% đối với các vị trí còn lại…Từ tháng 10/2020 đến nay, viên chức đang làm việc tại khu Quản lý đối tượng hưởng phụ cấp ưu đãi nghề với mức 40%/lương/tháng.

Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập. Biên chế và quỹ lương do Ngân sách Nhà nước cấp, viên chức thực hiện công việc "Theo vị trí việc làm", công việc không mang tính liên tục theo dây chuyền sản xuất của các doanh nghiệp. Trung tâm Hỗ trợ xã hội đảm bảo thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đúng quy định tại Chương VII Bộ luật lao động năm 2012 nên Trung tâm không có căn cứ pháp luật để tính tiền lương cho "Thời gian ngủ, nghỉ ngơi tại chỗ nhưng trong trạng thái sẵn sàng hỗ trợ khi cần thiết (nếu có) cho bà N. Trung tâm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 2460/2024/LĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 90, Điều 97, Điều 105, Điều 106, Điều 117 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ vào Điều 90, Điều 98, Điều 106, Điều 107, Điều 116 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3, Điều 25, Điều 26 Luật Viên chức năm 2010;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N về việc yêu cầu Trung tâm Hỗ trợ xã hội thanh toán cho bà N số tiền là 94.736.039 (chín mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn không trăm ba mươi chín) đồng, bao gồm:

- Tiền lương làm thêm giờ ban ngày chưa được thanh toán từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2021 của ngày thường là 16 giờ tương ứng với 609.552 (sáu trăm lẻ chín nghìn năm trăm năm mươi hai) đồng; của ngày Thứ 7, Chủ nhật là 699,9 giờ tương ứng với 35.552.120 (ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi hai nghìn một trăm hai mươi) đồng; của L1, Tết là 82,4 giờ tương ứng với số tiền là 6.278.386 (sáu triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm tám mươi sáu) đồng.

- Tiền lương làm thêm giờ ban đêm chưa được thanh toán từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2021 của ngày thường là 716 giờ tương ứng với 35.460.616 (ba mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn sáu trăm mười sáu) đồng; của Thứ 7, Chủ nhật là 229,1 giờ tương ứng 15.128.619 (mười lăm triệu một trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm mười chín) đồng.

- Tiền lương làm việc vào ban đêm chưa được thanh toán chệnh lệch 30% từ tháng 9/2020 đến tháng 02/2021 là 1.706.746 (một triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm bốn mươi sáu) đồng tương ứng với 224 giờ làm việc vào ban đêm của ngày thường.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/11/2024, bà Nguyễn Thị Hồng N là nguyên đơn nộp Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng N và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm. Cụ thể yêu cầu kháng cáo như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 2460/2024/LĐ-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh) theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cụ thể:

1. Buộc bị đơn Trung tâm H2 (sau đây sẽ viết tắt là Trung tâm) phải chi trả cho bà N tổng số tiền làm việc vào ban đêm chưa được thanh toán chênh lệch 30% là: 1.706.746 đồng tương ứng với thời gian làm việc từ tháng 09/2020 đến hết tháng 02/2021 (đêm ngày thường là 224 giờ);

2. Buộc Trung tâm phải chi trả cho bà N tổng số tiền làm thêm giờ ban ngày (ngày thường; Thứ 7, Chủ nhật và các ngày Lễ, Tết) chưa thanh toán là 42.440.058 đồng tương ứng với thời gian làm việc từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2021 (ngày thường là 16 giờ; ngày Thứ 7, Chủ N1 là 699,9 giờ; ngày L1, Tết là 82,4 giờ);

3. Buộc Trung tâm phải chi trả cho bà N tổng số tiền làm thêm giờ ban đêm (ngày thường; Thứ 7, Chủ nhật và L1, Tết) vượt quá tiêu chuẩn là: 50.589.235 đồng tương ứng với thời gian làm việc từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2021 (đêm ngày thường là 716 giờ; đêm ngày Thứ 7, Chủ N1 là 229,1 giờ);

Tổng cộng các khoản tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là: 94.736.039 đồng (chín mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn không trăm ba mươi chín đồng).

Lý do và căn cứ cho yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét, đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan các chứng cứ, cũng như lời khai, diễn biến và quan điểm bảo vệ tại phiên tòa của nguyên đơn. Cụ thể:

+ Về quan hệ lao động: Bà N và Trung tâm có quan hệ lao động hợp pháp theo Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 13 Bộ luật Lao động năm 2019 và Khoản 5 Điều 3 Luật Viên chức năm 2010. Bà N được Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H bổ nhiệm viên chức với chức danh Chuyên viên làm việc tại Trung tâm H2.

Công việc cụ thể của bà N là quản lý đối tượng bảo trợ xã hội theo Quyết định số 300-QĐ-SLĐTBXH ngày 26/6/2015. Sau khi có quyết định bổ nhiệm viên chức, ngày 14/11/2015, Trung tâm đã tiến hành ký với bà N Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 306/HĐLĐ-HTXH ngày 04/11/2015.

Theo Hợp đồng lao động nêu trên thì nguyên đơn là Chuyên viên quản lý đối tượng bảo trợ xã hội; làm việc tại địa chỉ F B (số cũ là 463 N), phường B (Phường A, quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; làm việc theo chế độ 8 giờ/ngày và trực theo quy định của Trung tâm.

Từ ngày 01/5/2019, bà N được hưởng hệ số lương là 3.00 theo Quyết định nâng bậc lương đối với viên chức số: 1011/QĐ-SLĐTBXH ngày 16/7/2019 của Giám đốc Sở Lao động , Thương binh và Xã hội thành phố H.

+ Về yêu cầu có tranh chấp và khởi kiện:

Xét thấy việc Trung tâm ban hành và áp dụng các Quyết định số: 36/QĐ-HTXH ngày 27/11/2017 (i); Phương án số: 835/PA-HTXH ngày 31/8/2020 (i) (thực hiện theo công văn số: 22183/LĐTBXH-VP ngày 11/8/2020 của Sở L về triển khai thực hiện thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, làm thêm giờ, chế độ trực của các đơn vị thuộc Sở); Phương án số: 124/PA-HTXH ngày 18/1/2021 (iii) (thực hiện theo công văn số: 38056/SLĐTBXH-VP ngày 16/12/2020 của Sở L) và các Quy chế chi tiêu nội bộ qua các năm (iv) để áp đặt nguyên đơn làm thêm giờ nhưng lại không chi trả đầy đủ tiền làm thêm giờ cho nguyên đơn là trái với Hợp đồng làm việc đã ký với nguyên đơn và trái với quy định pháp luật. Bởi lẽ:

Căn cứ Điều 104 bộ luật Lao động năm 2012 (Điều 105 Bộ luật Lao động năm 2019), Khoản 5 Điều 3 Luật Viên chức năm 2010 và Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn số: 306/HĐLĐ-HTXH ngày 04/11/2015 thì chế độ làm việc của nguyên đơn theo quy định là 8 giờ/ngày (giờ làm việc từ 7 giờ 30 - 11giờ 30 và từ 13 giờ 00 - 17giờ 00 từ thứ 2 đến thứ 6; ngày thứ 7, Chủ nhật và ngày L1, tết là ngày nghỉ), chế độ làm việc theo quy định áp dụng chung đối với cán bộ, công chức - viên chức và người lao động làm việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là 40 giờ/tuần và trực theo quy định của Trung tâm (Làm thêm giờ không quá 200 giờ/năm). (Căn cứ theo Quyết định 67/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017).

Tuy nhiên quá trình làm việc thực tế, từ tháng 11/2019 đến tháng 2/2021, Trung tâm áp dụng nhiều chế độ làm việc khác nhau để áp đặt nguyên đơn làm thêm giờ, trực đêm vượt quá quy định. Cụ thể như sau:

- Từ tháng 11/2019 đến tháng 8/2020 áp dụng làm việc 8 giờ/ngày và 24 giờ/24 giờ (từ 7h30 phút sáng hôm trước đến 7h30 phút sáng hôm sau); (theo Quyết định số: 36/QĐ-HTXH ngày 27/11/2017).

- Từ tháng 9/2020 đến tháng 2/2021 áp dụng làm việc 12 giờ/ngày và 24 giờ/24 giờ (bao gồm ngày làm việc bình thường từ Thứ 2 đến Thứ 6; ngày Thứ 7, Chủ Nhật và ngày L1, Tết). Đối với các ngày nghỉ phép bằng 24 giờ làm việc liên tục; (theo Phương án số: 835/PA-HTXH ngày 31/8/2020 và Phương án số: 124/PA-HTXH ngày 18/1/2021).

- Đồng thời còn áp dụng các Quy chế chi tiêu nội bộ qua các năm quy định cụ thể về tiền lương làm thêm giờ ban ngày, tiền làm thêm giờ ban đêm.

Do đang làm việc tại Trung tâm nên nguyên đơn đều tuân thủ và chấp hành đúng với các Phương án, chế độ làm việc, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm nêu trên, nhưng sau đó nguyên đơn không được chi trả đầy đủ tiền làm thêm giờ, làm đêm khi thực hiện theo các văn bản trên.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn cho rằng việc mình ban hành và áp dụng các Phương án, chế độ làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ có nội dung quy định về thời gian làm thêm giờ tối đa và cách tính tiền làm đêm thêm giờ là không trái với quy định Bộ luật lao động năm 2012 và Bộ luật Lao động năm 2019. Tuy nhiên, nguyên đơn nhận thấy các Quyết định, Phương án, chế độ làm việc, Quy chế chi tiêu nội bộ nêu trên (tại điểm (i), (ii), (iii) và (iv) mục [3]) của bị đơn ban hành là trái với quy định tại các Điều 104, Điều 106 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 105, điều 107 Bộ luật Lao động năm 2019, được hướng dẫn chi tiết tại Điều 60 Nghị định số: 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính Phủ, cụ thể như sau:

- Thời giờ làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và không quá 48 giờ trong 01 tuần, trường hợp theo tuần thì thời giờ làm việc bình thường không quá 10 giờ trong 01 ngày và không quá 48 giờ trong 01 tuần. Nhà nước khuyến khích thực hiện tuần làm việc 40 giờ. Căn cứ Quyết định 188/1999/QĐ-Tg ngày 17 tháng 9 năm 1999 về thực hiện chế độ làm việc tuần 40 giờ. Trong trường hợp làm thêm giờ phải bảo đảm số giờ làm thêm không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày; trường hợp áp dụng quy định thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 40 giờ trong 01 tháng; Bảo đảm số giờ làm thêm không quá 200 giờ trong 01 năm. Vì vậy quy định giờ làm việc, làm thêm giờ, trực đêm tại các văn bản nêu trên của Trung tâm là trái với các quy định pháp luật nêu trên.

- Các Phương án tổ chức thực hiện làm thêm giờ, nghỉ ngơi, làm thêm giờ, chế độ trực của Trung tâm gồm: Phương án số: 835/PA-HTXH ngày 31/8/2020 và Phương án số: 124/PA-HTXH ngày 18/1/2021 được thực hiện theo công văn số: 22183/LĐTBXH-VP ngày 11/8/2020 và công văn số: 38056/SLĐTBXH-VP ngày 16/12/2020 Sở L. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng các công văn này của Sở đang có nội dung điều chỉnh cả quy định của pháp luật chứ không phải đơn thuần là một văn bản hướng dẫn, hơn nữa việc điều chỉnh số giờ làm đối với công chức, viên chức, người lao động là thuộc thẩm quyền của

UBND cấp tỉnh, thành phố chứ không phải của Sở (tại Thành phố Hồ Chí Minh, quy định về thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức được đề cập tại Điều 4 Quyết định số 67/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố H). Do đó, Trung tâm cho rằng việc mình ban hành và áp dụng các văn bản trên đối với nguyên đơn không trái với quy định Bộ luật lao động là hoàn toàn không có căn cứ. Mà ngược lại là trái với quy định tại Điều 104, Điều 106 bộ luật lao động năm 2012; Điều 105, điều 107 bộ luật lao động năm 2019, được hướng dẫn chi tiết tại Điều 60 Nghị định số: 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính Phủ nêu trên.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã không căn cứ và áp dụng vào các quy định của pháp luật về lao động nêu trên để giải quyết vụ án mà căn cứ - viện dẫn và áp dụng các văn bản nội bộ (tại điểm (i), (ii), (iii) và (iv) mục [3]) trái pháp luật nêu trên của bị đơn để làm cơ sở giải quyết cho vụ án này là không đúng với quy định của pháp luật. Bởi lẽ: Các văn bản nội bộ nêu trên (tại điểm (i), (ii), (iii) và (iv) mục [3]) không những đã ban hành có nội dung trái với Luật như chúng tôi đã phân tích tại mục 1 và mục 2 nêu trên, mà còn không phải là văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 2 và Điều 4 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Do đó, đây không phải là căn cứ pháp luật để Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho việc giải quyết vụ án này. Do vậy, bản án sơ thẩm đã áp dụng các văn bản nội bộ nêu trên (tại điểm (i), (ii), (iii) và (iv) mục [3]) để làm căn cứ giải quyết trong vụ án này là trái quy định pháp luật và xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn (người lao động).

Vì vậy, trong vụ án này việc bị đơn sử dụng các văn bản nội bộ trái luật để áp đặt nguyên đơn làm thêm giờ, trực đêm nhưng không chi trả đầy đủ tiền lương cho nguyên đơn là trái với Hợp đồng lao động đã ký và trái với quy định pháp luật về lao động như chúng tôi đã viện dẫn nêu trên.

- Đối với thời gian trực đêm: Trên thực tế bà N đã trực/làm việc tại T (ở trong đơn vị) theo đúng với Lịch phân công trực cơ quan do Giám đốc Trung tâm ban hành qua từng giai đoạn, nghĩa là lịch trực phân công từ 17 giờ 00 phút đến 7 giờ 30 phút sáng hôm sau hoặc từ 7 giờ 30 phút sáng đến 7 giờ 30 phút sáng hôm sau thì phải thực hiện đúng như vậy (trùng khớp với bảng chấm công của bà N). Tuy nhiên tại Sổ trực của Trung T có thể hiện bà N chỉ ký xác nhận thời gian là 02 giờ cho mỗi ca trực – ví dụ: 22 giờ 00 phút đến 00 giờ 00 phút (mặc dù trên thực tế bà N đã ở/trực tại Trung tâm là 8 giờ). Vậy lý do mà bà N chỉ ký xác nhận trực 2 giờ này là vì trong cùng 1 ca trực, phía Trung Tâm đã

phân công bố trí gồm 5 người trực, theo đó 5 người này sẽ tự sắp xếp, chia ra và thay phiên nhau mỗi người trực chính là 2 giờ, người này trực hết 02 giờ thì đến người khác trực 02 giờ tiếp theo luân phiên nhau cho đến hết ca trực (chỉ được chia ca trực để nghỉ ngơi từ 22 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau, nên từng người mới ký vào sổ trực chỉ 2 giờ), và trên thực tế 5 người trong ca trực này vẫn ở/trực tại Trung Tâm xuyên suốt ca trực và chịu mọi trách nhiệm trong suốt ca trực. Cụ thể trong thời gian khi 1 người trực chính thì những người còn lại cũng phải sinh hoạt tại đơn vị, không được ra ngoài nếu không có sự đồng ý của Giám đốc Trung Tâm, đồng thời còn phải chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ bất kể thời điểm nào khi có sự việc xảy ra trong suốt ca trực. Bên cạnh đó, khoảng thời gian từ 6 giờ sáng hôm sau đến 7 giờ 30 phút sáng hôm sau tất cả các thành viên trong ca trực phải thức dậy cùng thực hiện nhiệm vụ cho đến kết thúc ca trực được phân công.

Do đó, toàn bộ thời gian trực nêu trên T vẫn phải thanh toán đầy đủ tiền làm thêm giờ cho bà N theo đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật lao động năm 2012 (Điều 98 Bộ luật lao động năm 2019), hướng dẫn chi tiết tại Điều 55, điều 56 và điều 57 Nghị định số: 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính Phủ và Thông tư số: 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 5/1/2005 của Bộ N2. Việc Trung T cho rằng không có căn cứ pháp luật để tính tiền lương cho "thời gian ngủ, nghỉ ngơi tại chỗ nhưng trong trạng thái sẵn sàng hỗ trợ khi cần thiết" cho bà N là trái với quy định tại Điều 108 Bộ luật lao động năm 2012 (Điều 109 Bộ luật lao động năm 2019); Điều 58 và Điều 64 Nghị định số: 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính Phủ, việc này cũng thấy được trung tâm chèn ép người lao động.

Từ những phân tích trên, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các yêu cầu:

1. Buộc bị đơn Trung tâm H2 (sau đây sẽ viết tắt là Trung tâm) phải chi trả cho bà N tổng số tiền làm việc vào ban đêm chưa được thanh toán chênh lệch 30% là: 1.706.746 đồng tương ứng với thời gian làm việc từ tháng 09/2020 đến hết tháng 02/2021 (đêm ngày thường là 224 giờ);

2. Buộc Trung tâm phải chi trả cho bà N tổng số tiền làm thêm giờ ban ngày (ngày thường; Thứ 7, Chủ nhật và các ngày Lễ, Tết) chưa thanh toán là 42.440.058 đồng tương ứng với thời gian làm việc từ tháng 11/2019 đến tháng

02/2021 (ngày thường là 16 giờ; ngày Thứ 7, Chủ N1 là 699,9 giờ; ngày L1, Tết là 82,4 giờ);

3. Buộc Trung tâm phải chi trả cho bà N tổng số tiền làm thêm giờ ban đêm (ngày thường; Thứ 7, Chủ nhật và L1, Tết) vượt quá tiêu chuẩn là: 50.589.235 đồng tương ứng với thời gian làm việc từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2021 (đêm ngày thường là 716 giờ; đêm ngày Thứ 7, Chủ N1 là 229,1 giờ);

Tổng cộng các khoản tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là: 94.736.039 đồng (chín mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn không trăm ba mươi chín đồng). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn là Trung tâm Hỗ trợ xã hội có người đại diện theo ủy quyền là bà Kiều Thị H không đồng ý đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn cũng như lập luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; đồng thời giữ nguyên các phần trình bày, những lập luận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như tại cấp sơ thẩm và bản trình bày ý kiến tại cấp phúc thẩm. Bị đơn xác định đã áp dụng đúng các quy định pháp luật trong quan hệ lao động đối với nguyên đơn về trả tiền lương, không có nghĩa vụ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát kiểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các bên đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn trong hạn luật quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm

- Về yêu cầu kháng cáo: Căn cứ tài liệu, chứng cứ và phần trình bày của các bên đương sự có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Hồng N là viên chức làm việc tại Trung tâm H2 – là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sự quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H cũ, nay là Sở Y tế Thành phố H. Bị đơn có tư cách pháp nhân độc lập. Nhận thấy Trung tâm Hỗ trợ xã hội đã áp dụng các quy định và thời gian làm việc thực tế của bà N để tính và trả tiền làm thêm giờ cho bà N trong khoảng thời gian từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2021 phù hợp công việc, vị trí việc làm tại Trung tâm H2 là đặc thù, là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lương làm thêm giờ ban đêm, ban ngày, Thứ 7,

C, ngày L1, Tết với số tiền 94.736.039 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 2460/2024/LĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa cũng như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Ngày 28/11/2024, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm và tuyên án vụ án. Ngày 28/11/2024, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm. Nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí lao động phúc thẩm. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn còn trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn căn cứ theo Đơn kháng cáo, bản luận cứ ngày 04/4/2025 và ngày 23/6/2025 cũng như phần trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

1. Buộc bị đơn Trung tâm H2 (sau đây sẽ viết tắt là Trung tâm) phải chi trả cho bà N tổng số tiền làm việc vào ban đêm chưa được thanh toán chênh lệch 30% là: 1.706.746 đồng tương ứng với thời gian làm việc từ tháng 09/2020 đến hết tháng 02/2021 (đêm ngày thường là 224 giờ);

2. Buộc Trung tâm phải chi trả cho bà N tổng số tiền làm thêm giờ ban ngày (ngày thường; Thứ 7, Chủ nhật và các ngày Lễ, Tết) chưa thanh toán là 42.440.058 đồng tương ứng với thời gian làm việc từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2021 (ngày thường là 16 giờ; ngày Thứ 7, Chủ N1 là 699,9 giờ; ngày L1, Tết là 82,4 giờ);

3. Buộc Trung tâm phải chi trả cho bà N tổng số tiền làm thêm giờ ban đêm (ngày thường; Thứ 7, Chủ nhật và L1, Tết) vượt quá tiêu chuẩn là: 50.589.235 đồng tương ứng với thời gian làm việc từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2021 (đêm ngày thường là 716 giờ; đêm ngày Thứ 7, Chủ N1 là 229,1 giờ);

Tổng cộng các khoản tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là: 94.736.039 đồng (chín mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn không trăm ba mươi chín đồng). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do hai bên đương sự cung cấp và phần trình bày tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Hồng N và Trung tâm H2 có xác lập quan hệ làm việc, lao động, bà N là viên chức của Trung tâm Hỗ trợ xã hội.

Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bản luận cứ ngày 04/4/2025 và ngày 23/6/2025 của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; văn bản phản hồi ý kiến ngày 16/5/2025 và ngày 15/7/2025 của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều được các bên đương sự tiếp cận và cung cấp bằng văn bản, đã được Hội đồng xét xử công khai trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Theo đó, các bên đương sự đã thống nhất toàn bộ chứng cứ về lịch trực, lịch phân công công tác, bảng/phiếu chấm công trong thời gian nguyên đơn khởi kiện của phía bị đơn cung cấp là chính xác và không có tranh chấp đối với vấn đề này. Nguyên đơn xác định chỉ tranh chấp với bị đơn về cách tính số ngày làm việc thực tế, tổng số giờ làm việc thực tế (ngày làm việc bình thường; làm đêm bình thường; ngày làm việc Thứ 7, Chủ N1, L1, Tết; giờ làm đêm Thứ 7, Chủ N1, L, Tết) so với cách tính của bị đơn có sự chênh lệch thiếu giờ công làm thêm, làm đêm cho nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn.

Bị đơn trình bày việc chi trả tiền lương, tiền làm thêm giờ, tiền làm ban đêm,...xác định căn cứ tài liệu là lịch trực, lịch phân công, bảng chấm công của bị đơn. Xét, cách tính của bị đơn về tiền lương, tiền lương làm thêm giờ, làm đêm, Thứ 7, Chủ N1, L1, Tết cho nguyên đơn và các khoản hỗ trợ bằng tiền khác phù hợp Luật Viên chức năm 2010, Bộ luật Lao động năm 2012, Bộ luật Lao động năm 2019, Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ N2 và Bộ N2, Nghị định số 43/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan chủ quản (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H), Ủy ban nhân dân Thành phố H; Quy chế làm

việc, Phương án tổ chức thực hiện thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, làm thêm giờ, chế độ trực, Quy chế chi tiêu nội bộ về tiền lương làm thêm giờ ban ngày, tiền làm thêm giờ ban đêm được áp dụng trong từng giai đoạn nguyên đơn đang tranh chấp và các quy định của cơ quan chủ quản, quy định đặc thù nhiệm vụ của Trung tâm có căn cứ các quy định và hướng dẫn của cơ quan chủ quản và đảm bảo nguyên tắc dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập được thông qua tại Hội nghị Cán bộ Viên chức hàng năm để tính và chi trả tiền lương, tiền lương làm thêm giờ, làm đêm, Thứ 7, Chủ N1, L1, Tết cho nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp tình hình thực tế nhiệm vụ của Trung tâm. Bà N xác lập và hiểu rõ quan hệ việc làm với Trung tâm theo Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn số 306/HĐLĐ-TTHTXH ngày 04/11/2015, mặc dù không đồng ý vị trí, việc làm của mình và tự nhận thấy quyền lợi của mình không được chi trả phù hợp nhưng không tranh chấp khởi kiện mà vẫn thực hiện nhiệm vụ; cho rằng không được Trung tâm chi trả đúng tiền lương cho mình (theo Quy chế hàng năm đã được toàn thể Trung tâm thông qua tại Hội nghị cán bộ viên chức và áp dụng cho toàn thể Trung tâm) nhưng vẫn thực hiện nhiệm vụ. Tuy nguyên đơn có khiếu nại nhưng không khởi kiện trong khi khoảng thời gian từ tháng 11/2019 đến ngày 02/2021 đang tranh chấp là rất dài nhưng đến tháng 3/2021, nguyên đơn mới khởi kiện. Từ tháng 3/2021, Ủy ban nhân dân Thành phố H và cơ quan chủ quản của bị đơn đã có nhiều thay đổi cũng như hỗ trợ cho viên chức tại vị trí việc làm của nguyên đơn. Đây không phải lỗi của bị đơn mà là tình hình chung của địa phương căn cứ theo đúng quy định pháp luật tương ứng các giai đoạn, thời kỳ. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ, áp dụng pháp luật không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên.

[2.2] Nguyên đơn trình bày nguyên đơn trực, làm việc ban đêm mặc dù được ngủ, nghỉ ngơi nhưng vẫn phải ở lại Trung tâm và vẫn phải thực hiện các công việc khác, hỗ trợ ca kíp khác nên phải được tính đủ thời gian làm việc là 24 tiếng/ngày là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, nguyên đơn và bị đơn xác lập và hiểu rõ hợp đồng làm việc với tính chất công việc, vị trí việc làm đặc thù của tất cả viên chức ở cùng vị trí, việc làm như nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Bà N có mặt tại Trung tâm không đồng nghĩa bà N phải được Trung tâm tính lương cho toàn bộ thời gian có mặt. Các bên trong quan hệ việc làm thực hiện làm việc và tính toán, chi trả chế độ tiền lương theo lịch phân công, lịch trực, ca kíp đã công khai tương ứng thời gian chấm công phải phù hợp và đảm bảo đúng thời giờ làm thêm, làm đêm theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét không chấp nhận phần trình bày nêu trên của nguyên đơn.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng quy định của pháp luật để xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí:

[4.1] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí lao động sơ thẩm.

[4.2] Án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí lao động phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 2460/2024/LĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N về việc yêu cầu Trung tâm Hỗ trợ xã hội thanh toán cho bà N số tiền là 94.736.039 đồng (chín mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn không trăm ba mươi chín đồng), bao gồm:

- Tiền lương làm thêm giờ ban ngày chưa được thanh toán từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2021 của ngày thường là 16 giờ tương ứng với 609.552 đồng (sáu trăm lẻ chín nghìn năm trăm năm mươi hai đồng); của ngày Thứ 7, Chủ N1 là 699,9 giờ tương ứng với 35.552.120 đồng (ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi hai nghìn một trăm hai mươi đồng); của L1, Tết là 82,4 giờ tương ứng với số tiền là 6.278.386 đồng (sáu triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm tám mươi sáu đồng).

- Tiền lương làm thêm giờ ban đêm chưa được thanh toán từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2021 của ngày thường là 716 giờ tương ứng với 35.460.616 đồng (ba mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn sáu trăm mười sáu đồng); của Thứ 7, Chủ nhật là 229,1 giờ tương ứng 15.128.619 đồng (mười lăm triệu một trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm mười chín đồng).

- Tiền lương làm việc vào ban đêm chưa được thanh toán chệnh lệch 30% từ tháng 9/2020 đến tháng 02/2021 là 1.706.746 đồng (một triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng) tương ứng với 224 giờ làm việc vào ban đêm của ngày thường.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng N thuộc trường hợp được miễn án phí lao động sơ thẩm.

3. Về án phí lao động phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng N thuộc trường hợp được miễn án phí lao động phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nơi nhận:
- Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân khu vực 5, TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu (T18).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng